

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỐNG NHẤT
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 39/2019/HS-ST

Ngày: 23-7-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỐNG NHẤT- TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Hưng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Huỳnh Thị Châu

Ông Nguyễn Thành Lam

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết Hạnh – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Lê Trần Thọ - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 32/2019/TLST-HS ngày 13 tháng 5 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2019/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. **Nguyễn Văn Q**, tên gọi khác: không; sinh năm 1974, tại thành phố Hà Nội; nơi đăng ký HKTT: tổ 2, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Q1, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1954; vợ là Phạm Thị H, sinh năm 1976 (đã ly hôn); hiện chung sống như vợ chồng với Hoàng Thị B, sinh năm 1975; có 02 con, con lớn sinh năm 2004, nhỏ sinh năm 2011; tiền sự: không;

- Tiền án:

+ Ngày 17/3/2009, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xử phạt 09 tháng tù về tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/7/2009.

+ Ngày 29/9/2010, bị Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xử phạt 24 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 19/01/2012.

+ Ngày 10/8/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/12/2014.

+ Ngày 20/8/2015, bị Tòa án nhân dân thị xã Long Khánh (nay là Tòa án nhân dân thành phố Long Khánh), tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 24/7/2017.

- Nhân thân: ngày 21/01/2000 , bị Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xử phạt 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cướp tài sản của công dân”. Đã chấp hành xong hình phạt.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 16/3/2019 – có mặt.

2. Vương Chí T, tên gọi khác: không; sinh năm 1985, tại tỉnh Bình Phước; nơi đăng ký HKTT: thôn P, xã L, huyện P, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: như trên; nghề nghiệp: không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: Thiên chúa; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vương Văn T1, sinh năm 1957 và bà Lê Thị H1, sinh năm 1966; vợ là Đôn Thị D, sinh năm 1988 (đã ly hôn); hiện chung sống như vợ chồng với Thị L1, sinh năm 1992; có 03 con, con lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không;

Nhân thân:

+ Ngày 18/11/2003, bị Tòa án nhân dân thị xã Bến Cát, tỉnh Bình Dương xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Đã chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 15/5/2012, bị Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước xử phạt 08 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 31/8/2015.

+ Ngày 21/11/2018, bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước khởi tố về hành vi “Tộm cắp tài sản”. Vụ án chưa được xét xử.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/3/2019 – có mặt.

- *Bị hại*: ông Hoàng Thanh H, sinh năm 1947; địa chỉ: số 67, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

- *Người làm chứng*:

+ Chị Hoàng Thị B, sinh năm 1975, địa chỉ: tổ 2, ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước.

+ Chị Thị L1, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ 5, ấp 2, xã A, huyện H, tỉnh Bình Phước.

+ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1958; địa chỉ: ấp T, xã B, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Hà Việt C, sinh năm 1995, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

+ Anh Nguyễn Ngọc K, sinh năm 1998, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 06/3/2019, Nguyễn Văn Q điều khiển xe mô tô biển số 93C1-203.94 chở Vương Chí T đi từ nhà Quyên tại ấp Đ, xã T, huyện H, tỉnh Bình Phước đến địa bàn tỉnh Đồng Nai. Khoảng 10 giờ cùng ngày, khi đến khu vực rẫy của ông Nguyễn Văn T2 tại ấp Võ Đồng 3, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, trong lúc đi vệ sinh, Q phát hiện xe mô tô biển số 60B8-808.96 của ông Hoàng Thanh H ngụ tại ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai để tại khu vực đường đi trong rẫy nên rủ Tài trộm chiếc xe này. T đồng ý và đứng canh giới, còn Q đi lại bẻ khóa lấy trộm xe mô tô biển số 60B8-808.96 rồi cả hai cùng tẩu thoát. Ông H phát hiện bị mất xe nên đã báo cho Công an xã Gia Kiệm. Nhận được tin báo phối hợp, Công an xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom bắt giữ được T cùng xe mô tô biển số 60B8-808.96 giao cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất xử lý, còn Q trốn thoát cùng xe mô tô biển số 93C1-203.94, đến ngày 16/3/2019 thì bị bắt giữ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vương Chí T đã khai nhận hành vi đã thực hiện như nội dung bản Cáo trạng viện dẫn. Quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn Q không thừa nhận hành vi bị truy tố theo Cáo trạng, cho rằng ngày 06/3/2019, bị cáo bị sốt nên không đi ra khỏi nhà, xe mô tô biển số 93C1-203.94 bị cáo cũng để ở nhà. Tại phiên tòa, bị cáo Q khai nhận toàn bộ hành vi đã thực hiện theo Cáo trạng viện dẫn.

Quá trình điều tra, bị hại là ông Hoàng Thanh H khai: khoảng 10 giờ ngày 06/3/2019, ông điều khiển xe mô tô biển số 60B8-808.96 đến rẫy nhà ông Nguyễn Văn T2 thuộc ấp Võ Đồng 3, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất chơi do ông nghe nói ông T2 đang thu hoạch thuốc lá. Khi đến rẫy nhà ông T2 thì ông để xe mô tô biển số 60B8-808.96 tại đường mòn ở bìa rẫy, khóa cổ xe rồi đi vào bên trong nói chuyện với ông T2. Sau khi nói chuyện xong quay trở ra thì không thấy xe nữa, biết là bị mất trộm nên đã đến Công an xã Gia Kiệm trình báo sự việc. Ngoài chiếc xe, ông không bị mất tài sản nào khác.

Quá trình điều tra, người làm chứng là ông Nguyễn Văn T2 khai: sáng ngày 06/3/2019, ông đến rẫy nhà ông tại ấp Võ Đồng 3, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất để thu hoạch thuốc lá. Khoảng 10 giờ thì bạn ông là ông Hoàng Thanh H đến chơi, xem tình hình ông thu hoạch thế nào. Ông có hỏi ông H đến bằng phương tiện gì thì ông H nói đi xe mô tô biển số 60B8-808.96, để ở bìa rẫy, cách nơi các ông nói chuyện khoảng 30m. Khoảng 20 phút sau thì ông H chào ông ra về, khi đi ra chỗ để xe thì tìm không thấy, nghi bị kẻ gian trộm nên ông dùng xe của ông chở ông H ra Công an xã trình báo sự việc.

Quá trình điều tra, người làm chứng là chị Hoàng Thị B: chị hiện chung sống như vợ chồng với anh Nguyễn Văn Q. Sáng ngày 06/3/2019, Vương Chí T đến nhà chị gặp anh Q, sau đó anh Q lấy xe mô tô biển số 93C1-203.94 chở T đi đâu thì thị không rõ, khoảng 18 giờ đến 19 giờ cùng ngày anh Q mới về. Khi đi, chị thấy Q mặc quần jean màu xanh, áo khoát dài tay, mang theo một túi xách da màu đen, đội mũ bảo hiểm màu xanh có in chữ Vinaphone. Còn T thì mặc áo sơ mi dài tay màu trắng có nhiều họa tiết màu đen, quần jean dài. Qua hình ảnh trích xuất từ camera do Cơ quan điều tra thu thập chị được xem, chị khẳng định người điều khiển xe mô tô đi trước là anh Q, người điều khiển xe chạy phía sau là T, chị nhận biết được qua trang phục và dáng ngồi xe của anh Q và T.

Quá trình điều tra, người làm chứng là chị Thị L1 khai: chị có quan hệ chung sống như vợ chồng với anh Vương Chí T, còn anh Nguyễn Văn Q là bạn của anh T, chị cũng chỉ mới biết sau khi anh T bị bắt khoảng một tuần. Sau khi anh T bị bắt thì anh Q có đến nhà chị hai lần, lần 1 vào ngày 09/3/2019, anh Q đến hỏi chị có biết việc anh T bị bắt không, chị nói có rồi anh Q đưa cho chị 800.000đ nói đưa cho anh T mua đồ ăn và đồ dùng cá nhân. Lần 2 vào ngày 12/3/2019, anh Q đến và đưa cho chị số tiền 9.000.000đ nói là để lo án cho anh T tại huyện Lộc Ninh, anh Q cũng nói lo anh T ở Đồng Nai nhưng mỗi bên chịu một nửa nhưng chưa nói là bao nhiêu. Qua hình ảnh trích xuất từ camera do Cơ quan điều tra thu thập chị được xem, chị nhận ra được người điều khiển xe mô tô đi trước là anh Q, người điều khiển xe chạy phía sau là T, chị nhận biết được qua dáng ngồi xe của anh Q và cái áo anh T đang mặc.

Quá trình điều tra, người làm chứng là anh Hà Việt C và Nguyễn Ngọc K khai: các anh bị tạm giam chung buồng giam số 2, dãy B thuộc Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất cùng với Vương Chí T. Vào buổi chiều một ngày cuối tháng 4/2019, không nhớ cụ thể ngày nào, chỉ nhớ là một ngày trước khi Cơ quan điều tra trích xuất T đi dựng lại hiện trường. Trong lúc nhận cơm, anh C nhặt được một mảnh giấy khoảng (20 x 8)cm là một lá thư. Anh C đọc lên thì biết thư gửi cho T, do T không đọc được nên nhờ anh K đọc lại, lá thư có nội dung như sau: “T em, nếu có đi dựng lại hiện trường thì bẻ cung lại, rồi anh đưa cho 40.000.000đ rồi anh lo cho đi một năm thôi, đọc xong thì vứt đi”. Sau đó, các anh được biết người viết thư cho T là anh Q, hiện đang bị tạm giam tại buồng giam số 5 dãy B Nhà tạm giữ Công an huyện Thống Nhất. Lá thư sau đó T xé nhỏ rồi vứt vào trong buồng vệ sinh.

* Về trách nhiệm dân sự: bị hại là ông Hoàng Thanh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường.

* Về vật chứng của vụ án:

- 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SHMORE biển số 60B8-808.96 đã qua sử dụng, tại bản Kết luận định giá tài sản số 225/KL-HĐĐG ngày 13/3/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự của Ủy ban nhân dân huyện Thống Nhất kết luận có giá trị là 44.800.000đ. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã giao trả lại cho chủ sở hữu là ông Hoàng Thanh H.

- 01 xe mô tô biển số 93C1-203.94 cùng giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 93C1-203.94 do Nguyễn Văn Q đứng tên.

- 01 bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm, 01 túi xách da và 01 đoạn khóa do chị Hoàng Thị B giao nộp. Theo chị B khai là tài sản của bị cáo Q.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và bị hại không có ý kiến hay khiếu nại gì về kết luận định giá tài sản nêu trên cũng như việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất lý vật chứng giao trả cho chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số 36/CT-VKS-HS ngày 10/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất truy tố các bị cáo Nguyễn Văn Q và Vương Chí T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 173 của Bộ Luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản Cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Về hình phạt: áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Q mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ Luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo T mức án từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù.

- Về xử lý vật chứng: tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 93C1-203.94; tịch thu tiêu hủy 01 một bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm, 01 túi xách, 01 đoạn phá khóa.

Về việc truy tố của Viện kiểm sát: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo xác định việc truy tố của Viện kiểm sát là đúng pháp luật; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng trong quá trình điều tra không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng:

- Bị cáo Q trình bày: trong thời gian bị tạm giam, bị cáo đã ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt, bị cáo hứa không tái phạm, làm người công dân tốt để phụ giúp cho gia đình.

- Bị cáo T trình bày: bị cáo hối hận về việc làm sai trái, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thống Nhất, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn Q khai nhận: sáng ngày 06/3/2019, bị cáo Nguyễn Văn T đến nhà bị cáo nói cần tiền nhưng bị cáo không có, sau đó thì bị cáo Quyên rủ và dùng xe mô tô biển số 93C1-203.94 chở bị cáo T đến tỉnh Đồng Nai thăm bạn, trên đường đi bị cáo nhặt được một đoạn phá khóa xe máy. Khi đến một khu rẫy tại xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, trong lúc đi vệ sinh, bị cáo phát hiện chiếc xe SHMORE biển số 60B8-808.96 dựng trong rẫy mà không có người trông coi nên rủ bị cáo Vương Chí T trộm chiếc xe này. Bị cáo T đồng ý và đứng canh giới, còn bị cáo đến cạnh chiếc xe trên rồi dùng chìa khóa xe của bị cáo vặn để mở nắp che khe cắm chìa khóa của ổ khóa, dùng đoạn sắt nhặt được bẻ ổ khóa xe. Sau đó, bị cáo điều khiển xe vừa trộm được còn T điều khiển xe của bị cáo chạy về nhà. Chạy được một đoạn khoảng 2km thì bị cáo đổi xe với bị

cáo T do bị cáo thấp người, điều khiển xe vừa trộm không thuận lợi. Do không biết đường đi nên bị cáo T điều khiển xe chạy phía sau bị cáo, khi điều khiển xe đến huyện Trảng Bom thì không còn thấy bị cáo T chạy phía sau nữa nên bị cáo tiếp tục điều khiển xe về nhà ở tỉnh Bình Phước. Sau đó thì bị cáo biết bị cáo T bị bắt nên có qua nhà chị Thị L1 là người chung sống như vợ chồng với bị cáo T hai lần, lần thứ nhất đưa chị L1 số tiền 800.000đ nói đưa cho bị cáo T mua đồ ăn và đồ dùng cá nhân, lần thứ hai đưa cho chị L1 số tiền 9.000.000đ nói là để lo án cho bị cáo T tại huyện Lộc Ninh, đồng thời bị cáo nói với chị L1 cùng góp tiền lo giảm án cho bị cáo T trong vụ án này. Quần áo, túi xách, đoản phá khóa xe và nón bảo hiểm do chị Hoàng Thị B giao nộp được trích xuất ra tại phiên tòa chính là của bị cáo, bị cáo sử dụng khi đi trộm xe. Hình ảnh trích xuất từ dữ liệu camera bị cáo được xem tại phiên tòa, người điều khiển xe chạy phía trước chính là bị cáo, người điều khiển xe chạy phía sau là bị cáo T. Tại cơ quan điều tra bị cáo không nhận tội là do lo sợ phải tiếp tục đi tù.

[3] Tại phiên tòa, bị hại là ông Hoàng Thanh H khai khi nhận lại xe bị cáo bị cáo chiếm đoạt thì tình trạng ổ khóa xe như sau: nắp che ổ khóa vẫn còn nguyên nhưng bị kẹt dính chặt sang một bên không vặn lại được, ổ khóa xe do bị bể nên đã hư hỏng không sử dụng được phải thay thế ổ khóa mới. Lời khai này phù hợp với lời khai của bị cáo Q tại phiên tòa về việc trước khi dùng đoản phá khóa để phá ổ khóa xe, bị cáo Q đã dùng chìa khóa xe của bị cáo (cùng hãng xe honda) vặn để mở nắp che khe cắm chìa khóa của ổ khóa nên nắp che không bị hư hại mà chỉ bị kẹt dính sang một bên.

[4] Trên cơ sở lời khai nhận tội của bị cáo Q, lời khai của bị cáo T và bị hại ông Hoàng Thanh H tại phiên tòa, cùng việc thẩm tra toàn bộ tài liệu, chứng cứ được thu thập có tại hồ sơ xác định bị cáo Q đã khai nhận thực hiện hành vi phù hợp với các tình tiết của vụ án. Do vậy, đủ căn cứ để kết luận, vào khoảng 10 giờ ngày 06/3/2019, tại khu vực rẫy của ông Nguyễn Văn T2 ở ấp Võ Đông 3, xã Gia Kiệm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai, bị cáo T làm nhiệm vụ canh giới để bị cáo Q lén lút phá ổ khóa xe để chiếm đoạt xe mô tô hiệu Honda, loại SHMORE biển số 60B8-808.96 trị giá 44.800.000đ của ông Hoàng Thanh H, trú tại số 67, ấp H, xã Đ, huyện T, tỉnh Đồng Nai, sau đó thì bị bắt giữ. Hành vi nêu trên của bị cáo T đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Q có 04 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên đã phạm vào tình tiết định khung hình phạt là “Tái phạm nguy hiểm” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Việc truy tố của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thống Nhất đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất an ninh trật tự tại địa phương, các bị cáo có nhân thân xấu nên cần có mức hình phạt tương xứng với hành vi và hậu quả các bị cáo đã gây ra nhằm để cải tạo giáo dục các bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Trong vụ án, hành vi của bị cáo Q phạm vào tình tiết định khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự, là người rữ rề bị cáo T phạm tội nên phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo T.

[6] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo nhận thấy: các bị cáo không phạm tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 của Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo T trong giai đoạn điều tra đã thành khẩn khai báo, bị cáo Q tuy không thừa nhận tội tại quá trình điều tra nhưng tại phiên tòa đã thành khẩn khai nhận tội, thể hiện sự ăn năn hối cải, tài sản các bị cáo chiếm đoạt đã được thu hồi giao trả cho người bị hại. Các bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, có con còn nhỏ. Do đó, cần cho các bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015.

[7] Về trách nhiệm dân sự: bị hại là ông Hoàng Thanh H không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

[8.1] 01 xe mô tô hiệu Honda, loại SHMORE biển số 60B8-808.96 là tài sản của bị hại ông Hoàng Thanh H, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thống Nhất đã giao trả lại cho ông H là phù hợp.

[8.2] 01 xe mô tô biển số 93C1-203.94 là tài sản của bị cáo Nguyễn Văn Q, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên tịch thu sung vào ngân sách nhà nước; 01 một bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm, 01 túi xách, 01 đoạn phá khóa của bị cáo Q không còn giá trị sử dụng nên tịch thu tiêu hủy.

[8.3] Đối với 01 giấy đăng ký xe mô tô, xe máy biển số 93C1-203.94 do Nguyễn Văn Q đứng tên hiện lưu giữ tại hồ sơ, do chiếc xe đã bị tịch thu sung vào ngân sách nhà nước nên tiếp tục lưu giữ tại hồ sơ.

[9] Về án phí, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Nguyễn Văn Q và Vương Chí T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn Q 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 16/3/2019.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Vương Chí T 02 (hai) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 06/3/2019.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung vào ngân sách nhà nước xe mô tô biển số 93C1-203.94; tịch thu tiêu hủy 01 một bộ quần áo, 01 nón bảo hiểm, 01 túi xách, 01 đoạn phá khóa (Theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/5/2019).

3. Về án phí: Căn cứ vào khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Buộc Nguyễn Văn Q và Vương Chí T mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND H. Thống Nhất;
- Cơ quan CSĐT CA H. Thống Nhất;
- Cơ quan THA HS H. Thống Nhất
- Nhà tạm giữ CA H. Thống Nhất;
- Thi hành án DS H. Thống Nhất;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Trung Hưng